



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 55 (15/8/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
31-7-2007	- Quyết định số 105/2007/QĐ-UBND ban hành mức thu phí đầu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	3
31-7-2007	- Quyết định số 106/2007/QĐ-UBND về mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.	7
31-7-2007	- Quyết định số 107/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	9
31-7-2007	- Quyết định số 3368/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025.	21

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- | | | |
|-----------|---|----|
| 26-7-2007 | - Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007. | 38 |
| 26-7-2007 | - Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND về tổng quyết toán ngân sách năm 2006 và điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2007. | 42 |
| 26-7-2007 | - Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND về thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020. | 45 |
| 26-7-2007 | - Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND chuyên đề về công tác xây dựng cơ bản năm 2007. | 47 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 30-7-2007 | - Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy định tạm thời quản lý và sử dụng vỉa hè thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ. | 50 |
|-----------|--|----|

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức thu phí đấu giá tài sản
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001 và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức thu phí đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1557/STP-BTTP ngày 01 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu phí đấu giá tài sản áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mức thu phí đấu giá tài sản được tính như sau:

1. Đối với việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ:

a) Mức thu phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

- Trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được, như sau:

STT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1	Từ 1.000.000 đồng trở xuống	50.000 đồng
2	Từ trên 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	5% giá trị tài sản bán được
3	Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	5.000.000 đồng + 1,5 % của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 100.000.000 đồng
4	Trên 1.000.000.000 đồng	18.500.000 đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 1.000.000.000 đồng

- Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho đơn vị bán đấu giá các chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

b) Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá:

- Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá, như sau:

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20.000.000 đồng trở xuống	20.000
2	Từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	50.000
3	Từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	100.000
4	Từ trên 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
5	Trên 500.000.000 đồng	500.000

- Trường hợp cuộc bán đấu giá tài sản không được tổ chức thì người tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ số tiền phí đấu giá tài sản mà người tham gia đấu giá tài sản đã nộp.

2. Đối với việc bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200.000.000 đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
3	Trên 500.000.000 đồng	500.000

b) Các trường hợp khác:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5ha đến 2ha	3.000.000
3	Từ trên 2ha đến 5ha	4.000.000
4	Trên 5ha	5.000.000

Điều 3. Mức thu phí đấu giá tài sản quy định tại Quyết định này được áp dụng thống nhất cho cả phí thuộc ngân sách Nhà nước và phí không thuộc ngân sách Nhà nước. Trường hợp là phí không thuộc ngân sách Nhà nước thì mức phí đó (mức phí áp dụng thống nhất) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Hội đồng Đấu giá quyền sử dụng đất, người bán đấu giá tài sản có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở
và quyền sử dụng đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở
theo Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Xét đề nghị của Liên Sở Xây dựng - Sở Tài chính tại Công văn số 883/LSXD-TC ngày 06 tháng 02 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành và áp dụng mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu:

- Nhà ở của cá nhân: 100.000 đồng/giấy;
- Nhà ở của tổ chức: thu lệ phí theo diện tích sàn xây dựng:
 - + Diện tích dưới 500m² : 200.000 đồng/giấy;
 - + Diện tích từ 500m² đến dưới 1.000m² : 350.000 đồng/giấy;
 - + Diện tích từ 1.000m² trở lên : 500.000 đồng/giấy.

2. Lệ phí cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận, xác nhận sự thay đổi giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy không phân biệt nhà ở của cá nhân hay tổ chức.

3. Tỷ lệ để lại: toàn bộ mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu và cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi giấy chứng nhận cho cá nhân, tổ chức được giữ lại cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để trang trải các chi phí cần thiết phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận.

4. Các cơ quan cấp giấy chứng nhận được quyền chủ động cân đối giữa số dư từ nguồn thu lệ phí cấp đổi, cấp lại, xác nhận sự thay đổi giấy chứng nhận để bù vào phần thiếu hụt trong chi phí cấp giấy chứng nhận lần đầu.

5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 8 năm 2007.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố, Kho bạc Nhà nước thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định quản lý Nhà nước về hoạt động
khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5457/TNMT-QLTN ngày 11 tháng 7 năm 2007 về ban hành Quy định quản lý về khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý Nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2007/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (trừ công trình khí tượng thủy văn phục vụ quốc phòng và an ninh); quy định trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là hoạt động khí tượng thủy văn).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân trong nước và ngoài nước (gọi chung là các tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình khí tượng thủy văn cơ bản là cơ sở vật chất kỹ thuật để quan trắc, đo đạc yếu tố và hiện tượng khí tượng thủy văn, các yếu tố về môi trường không khí và nước, bao gồm: Đài, Trạm khí tượng thủy văn, tư liệu khí tượng thủy văn, các loại phương tiện, máy móc, thiết bị chuyên dùng, nhà phục vụ trực tiếp hoạt động khí tượng thủy văn, diện tích đất chuyên dùng, hệ thống bảo vệ công trình, hành lang an toàn kỹ thuật và các công trình phụ trợ khác.

2. Công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng là công trình được đầu tư xây dựng, khai thác chủ yếu phục vụ mục đích, nhu cầu chuyên ngành.

3. Trạm khí tượng thủy văn là công trình để quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn, các yếu tố môi trường không khí và nước trên mặt đất, dưới nước, trên sông, hồ, biển và trên không.

4. Trạm khí tượng thủy văn cơ bản là trạm được Nhà nước đầu tư xây dựng, nhằm điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, khai thác ổn định, lâu dài phục vụ cho nhu cầu của xã hội.

5. Trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng là trạm do các Bộ - ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế, quốc phòng, an ninh và cá nhân (gọi chung là chủ công trình) xây dựng, quản lý, khai thác chủ yếu phục vụ mục đích, nhu cầu chuyên ngành (thủy lợi, giao thông, xây dựng...).

6. Đài khí tượng thủy văn là công trình để trực tiếp quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn, các yếu tố môi trường không khí và nước; thu thập, xử lý dữ liệu từ nhiều trạm; dự báo khí tượng thủy văn, dự báo thời tiết và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn trên một khu vực.

7. Hành lang an toàn kỹ thuật là khoảng không, diện tích mặt đất, mặt nước, dưới nước cần thiết để bảo đảm công trình hoạt động đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tư liệu khí tượng thủy văn thu được từ các công trình đó được chính xác, phản ánh khách quan tính tự nhiên của khu vực, bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

8. Tư liệu khí tượng thủy văn là dữ liệu, mẫu vật được thu thập, khai thác từ công trình khí tượng thủy văn và được xử lý, lưu trữ dưới nhiều hình thức.

9. Thành lập trạm là xây dựng trạm mới và triển khai hoạt động quan trắc tại một địa điểm mà trước đây chưa có trạm hoặc có trạm nhưng đã giải thể hoặc ngưng quan trắc do một lý do nào đó.

10. Nâng cấp trạm là tăng thêm nhiệm vụ hoặc yếu tố quan trắc cho trạm và nâng hạng trạm lên hạng cao hơn.

11. Hạ cấp trạm là giảm nhiệm vụ hoặc yếu tố quan trắc của trạm và hạ hạng trạm xuống hạng thấp hơn.

12. Di chuyển trạm là sự di chuyển toàn bộ trạm hoặc một số hạng mục công trình của trạm khỏi vị trí hiện đang hoạt động đến vị trí mới đã được lựa chọn.

13. Giải thể trạm là ngừng hẳn toàn bộ công việc quan trắc và chấm dứt mọi hoạt động khác của trạm.

14. Công trình chuyên môn là công trình để lắp đặt các thiết bị quan trắc hoặc phục vụ quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước.

Chương II
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý hoạt động khí tượng thủy văn, các biện pháp bảo vệ tài nguyên khí hậu và thủy văn trên địa bàn; quy hoạch phát triển, chương trình kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về khí tượng thủy văn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố theo phân cấp của Chính phủ và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình;

3. Tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, tổ chức thực hiện công tác thẩm định và xem xét cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động các công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng hoạt động trên địa bàn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và phân cấp của Chính phủ; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp phép;

4. Chủ trì phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và các sở - ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các hoạt động; lập quy hoạch phát triển kinh tế, quy hoạch sản xuất, quy hoạch khu dân cư hoặc xây dựng các công trình quy mô cấp thành phố (nhà máy, kho nước và các công trình thủy lợi, phòng, chống lụt, bão, tiêu thoát nước, cầu đường...), các dự án, công trình đòi hỏi các số liệu và tính toán những đặc trưng khí tượng thủy văn thiết kế, xác định quy mô và sự an toàn cho công trình, đánh giá tính thích nghi của cây trồng, vật nuôi với điều kiện khí tượng thủy văn của thành phố;

5. Là đầu mối tổ chức thực hiện công tác phối kết hợp sở - ngành chức năng và địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ các công trình nghiên cứu, quan trắc về khí tượng thủy văn và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật cho các công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố theo tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ;

6. Thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến đặc trưng khí

tượng thủy văn khu vực, vị trí công trình xin khảo sát thành lập, di chuyển, giải thể, nâng cấp, hạ cấp trạm khí tượng thủy văn cơ bản trên địa bàn thành phố theo quy định tại Quyết định số 03/2006/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

7. Tham gia xây dựng phương án phòng, chống lụt, bão, khắc phục hậu quả do thiên tai trên địa bàn thành phố được giao tại Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 và Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố;

8. Hướng dẫn các thủ tục liên quan đến đất đai của vị trí công trình khí tượng thủy văn; giám sát kiểm tra việc thực hiện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với công tác giao (hoặc tạm giao) đất dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu sản xuất nằm sát bờ sông, kênh rạch; có trách nhiệm nhắc nhở các sở chuyên ngành khi thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn, đặc biệt các nhà cao tầng trong nội thành thành phố phải yêu cầu đơn vị tư vấn tính toán thiết kế sao cho công trình vẫn đảm bảo ổn định khi có xảy ra sự cố động đất;

9. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, triển khai, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án, đề tài về khí tượng thủy văn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có liên quan đến hoạt động khí tượng thủy văn;

10. Chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ về quản lý khí tượng thủy văn; tham gia hợp tác quốc tế; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật;

11. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật; và thực hiện công tác báo cáo định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khí tượng thủy văn trên địa bàn quận - huyện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Xây dựng quy hoạch, quản lý hoạt động về khí tượng thủy văn; phối hợp tổ chức và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ các công trình khí tượng thủy văn theo tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ; công tác phòng, chống lụt, bão giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 và Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố;

3. Tham gia cùng Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật;

4. Chủ động trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khí tượng thủy văn để xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

5. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý khí tượng thủy văn trên địa bàn;

6. Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về khí tượng thủy văn, phòng, chống lụt, bão, động đất, thiên tai; giám sát việc thi hành các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn tại địa phương.

Điều 6. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn

1. Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn; và các nhiệm vụ về công tác phòng, chống lụt, bão giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân thành phố phân công tại Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 và Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2006;

2. Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về khí tượng thủy văn, phòng, chống lụt, bão, động đất, thiên tai tại địa phương;

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thanh kiểm tra hoạt động khí tượng thủy văn và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện và quy định của pháp luật.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ chung của tổ chức, cá nhân hoạt động khí tượng thủy văn

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các hoạt động khí tượng thủy văn (điều tra cơ bản, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ...) có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994; Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn; Thông tư số 11/2006/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ; Quy định này và các quy định khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của đơn vị chủ quản công trình khí tượng thủy văn:

a) Nộp đầy đủ hồ sơ xin đăng ký theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình của mình;

c) Cung cấp tư liệu khí tượng thủy văn trong thành phố và các bản tin dự báo khí tượng thủy văn theo đúng quy định của pháp luật;

d) Báo cáo định kỳ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan chủ quản. Đồng thời thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp thực hiện công tác quản lý Nhà nước và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của đơn vị chủ quản các công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng:

a) Nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định của pháp luật;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan cấp phép sớm tiến hành thẩm định kỹ thuật công trình;

c) Phải có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình của mình;

d) Phải có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện đúng chế độ cấp phép theo quy định của pháp luật.

4. Quyền của các tổ chức, cá nhân hoạt động khí tượng thủy văn:

a) Được Nhà nước bảo hộ về giá trị pháp lý những tư liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng đã được đăng ký.

b) Có quyền khiếu nại, tố cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường, Vụ Khí tượng thủy văn hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác đối với những hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn; khiếu nại về kết luận và biện pháp xử lý của Đoàn Thanh tra hoặc Thanh tra viên tại cơ sở mình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của chủ công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Các chủ công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng (sau đây gọi tắt là các chủ công trình) có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ công trình theo quy định của pháp luật;

2. Các chủ công trình được thực hiện các hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

3. Được bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật cho vị trí của công trình khí tượng thủy văn đang khai thác theo tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn nhằm bảo đảm thu thập số liệu khí tượng thủy văn được chính xác, kịp thời phục vụ hiệu quả cho công tác quan trắc chuyên ngành;

4. Trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có sự cố xảy ra, người quản lý trực tiếp phải huy động lực lượng trong đơn vị nhanh chóng khắc phục hậu quả, đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp phối hợp giải quyết;

5. Những công trình khí tượng thủy văn đang hoạt động quan trắc, đo đạc mà bị xâm hại hoặc có sự cố xảy ra thì chủ công trình có quyền được yêu cầu Ủy ban nhân dân địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm huy động các lực lượng cần thiết nhanh chóng khắc phục hậu quả để duy trì việc quan trắc, đo đạc và truyền báo các thông tin khí tượng thủy văn;

6. Thực hiện chế độ báo cáo được nêu tại Điều 9 của Quy định này.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn và các đơn vị đang khai thác và sử dụng công trình khí tượng thủy văn cơ bản, chuyên dùng trên địa bàn thành phố có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng cuối của mỗi quý.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tiếp nhận các báo cáo về tình hình quản lý hoạt động khí tượng thủy văn của các quận - huyện, phường - xã - thị trấn và các công trình khí tượng thủy văn cơ bản, chuyên dùng đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp các báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 01 của tháng đầu quý tiếp theo.

3. Ngoài thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo cuối năm tình hình quản lý hoạt động tài nguyên khí tượng thủy văn trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện báo cáo đột xuất để kịp thời phối hợp giải quyết những khó khăn, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị quản lý và hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố.

Điều 10. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Chế độ khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, ngăn chặn hành vi xâm hại công trình khí tượng thủy văn thì được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 12. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại đến công trình khí tượng thủy văn, vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm quản lý gây thiệt hại đến công trình khí tượng thủy văn thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

Tên đơn vị chủ quản **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Tên đơn vị khai thác **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

A. Tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác, hoạt động công trình khí tượng thủy văn:

-
- Quyết định thành lập công trình số, ngày cấp.....
 cơ quan cấp.....
 - Chủ quản công trình:
 - Địa chỉ:.....; phường (xã, thị trấn):.....
 quận (huyện)....., thành phố Hồ Chí Minh.
 - Họ tên người đứng đầu tổ chức/ cá nhân có trách nhiệm:.....
 - Nghề nghiệp:.....; Chức vụ:.....
 - CMND số:, ngày cấp:, cơ quan cấp.....

B. Phần đăng ký:

- Đăng ký khai thác, hoạt động khí tượng thủy văn tại khu vực (nhà số):,
 phường (xã, thị trấn), quận (huyện), thành phố
 Hồ Chí Minh.
- Tọa độ vị trí (VN-2000): X..... Y.....
- Mục đích:
- Thời gian hoạt động công trình:.....
 từ ngày ...

Chúng tôi hứa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ tài nguyên khí tượng thủy văn và môi trường, thực hiện đầy đủ các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Đơn vị đăng ký
 (Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3368/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp
thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII;

Căn cứ Quyết định số 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến năm 2020;

Xét nội dung hồ sơ đề án điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 do Viện Quy hoạch xây dựng lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố tại Tờ trình số 2544/TTr-SQHKT-BQLKCN ngày 09 tháng 7 năm 2007 về đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 với các nội dung chính như sau (đính kèm hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng):

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH

Đồ án điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng thành phố định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998 và các đồ án quy hoạch chung các quận huyện đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt ở các năm 1998 - 1999, trong đó đã xác định tổng diện tích đất đai để phát triển mới các Khu Công nghiệp tập trung (Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất) khoảng 6.000ha, trên cơ sở đó xác định quy mô đất dân dụng và cơ sở hạ tầng tương ứng. Qua 5 năm triển khai thực hiện, đã xuất hiện một số vấn đề sau:

Quy mô, phạm vi ranh giới một số Khu Công nghiệp trong nội thành đã được làm chính xác lại khi khảo sát và lập quy hoạch chi tiết nên có những thay đổi về quy mô so với dự kiến ban đầu.

Các chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu Công nghiệp khi thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư có nhu cầu mở rộng hoặc thu hẹp lại quy mô, phạm vi ranh giới các Khu Công nghiệp để phù hợp với hiện trạng khu đất dành để phát triển Khu Công nghiệp.

Nhu cầu đầu tư xây dựng các Khu Công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh gia tăng, trong đó có nhu cầu xây dựng mới để phục vụ chương trình di chuyển và sắp xếp lại các xí nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm hiện đang bố trí xen lẫn trong khu dân cư nội thành đưa về các Khu Công nghiệp tập trung.

Nhu cầu quy hoạch xây dựng mới một số Khu Công nghiệp chuyên ngành: Cơ khí, hóa chất, điện tử, ...

2. MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ ĐIỀU CHỈNH

Việc rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống các Khu Công nghiệp của thành phố đến năm 2020, có tính đến năm 2025 nhằm:

Đánh giá thực trạng phát triển và làm chính xác lại mạng lưới các Khu Công nghiệp tập trung đã được bố trí theo quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp điều chỉnh cục bộ, quy hoạch xây dựng một số Khu Công nghiệp cơ bản theo hình thức chuyên ngành làm cơ sở chỉ đạo việc triển khai công tác lập quy hoạch chi tiết đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm phát triển các Khu Công nghiệp tập trung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể hóa việc bố trí các Khu Công nghiệp - Chế xuất tập trung theo quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

Tạo điều kiện thực hiện chương trình di dời hệ thống cảng biển thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu (nhóm cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và chương trình giải tỏa, sắp xếp lại các cơ sở công nghiệp hiện có đang gây ô nhiễm môi trường các khu dân cư trong nội thành cũ để có thể đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp.

Thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp tạo động lực vững chắc cho phát triển thành phố năm 2020 và xa hơn.

Kiến nghị cụ thể các giải pháp tổ chức thực hiện.

3. QUAN ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH VÀ MỘT SỐ TIÊU CHÍ CHÍNH

3.1. Quan điểm và định hướng điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 dựa trên quan điểm và định hướng phát triển của “***Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến năm 2020***” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

3.2. Việc hình thành các Khu Công nghiệp phải gắn với tiến trình đô thị hóa thành phố và giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho người lao động trong các khu đô thị - dịch vụ kế cận các Khu Công nghiệp theo các nguyên tắc sau:

Đối với các Khu Công nghiệp đã hình thành và ổn định hoạt động: Quỹ đất xây dựng nhà ở công nhân cần được tính toán trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tế của từng khu. Đất xây dựng nhà ở cho công nhân có thể điều chỉnh từ một phần đất trong Khu

Công nghiệp hay phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận (huyện) để bố trí trong các khu dân cư lân cận.

Đối với các Khu Công nghiệp mới hình thành: Tùy theo quy mô, tính chất Khu Công nghiệp, phải xác định quy mô, tính chất cho khu dân cư và dịch vụ phục vụ Khu Công nghiệp căn cứ theo các quy định hiện hành. Việc lập quy hoạch khu dân cư và dịch vụ phục vụ Khu Công nghiệp phải được thực hiện đồng thời với việc lập quy hoạch Khu Công nghiệp.

4. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Diện tích đất công nghiệp tập trung thành phố Hồ Chí Minh đến và sau năm 2020 sau điều chỉnh là 7.042ha. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2015, phần đất xây dựng và đưa vào hoạt động khoảng 3.800 - 4.000ha (gần 60% đất quy hoạch phát triển Khu Công nghiệp tập trung thành phố).

4.1. Các Khu Công nghiệp đã có quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ (15 khu sắp xếp theo thứ tự thời gian thành lập): được điều chỉnh với quy mô 5.620,0ha, cụ thể như sau:

4.1.1 Khu Chế xuất Tân Thuận, quận 7:

Vị trí: Phường Tân Thuận Đông, quận 7. Phía Đông Bắc, phía Tây và một phần phía Nam giáp sông Sài Gòn; phía Tây Nam giáp đường Huỳnh Tấn Phát (Tỉnh lộ 15).

Tính chất: Khu Chế xuất (khu kinh tế tổng hợp) với loại hình công nghiệp nhẹ, dệt, may, điện tử, thực phẩm cao cấp.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Giữ nguyên theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg với quy mô 300,00ha đã thực hiện hoàn tất.

4.1.2. Khu Chế xuất Linh Trung I, Thủ Đức: 62ha

Vị trí: Phường Linh Trung, quận Thủ Đức. Phía Đông Bắc giáp xa lộ Vành Đai; phía Đông Nam giáp đường vào Nghĩa trang thành phố (Nghĩa trang Lạc Cảnh) và đường vào Nhà máy Dệt Việt Thắng; phía Tây Bắc giáp khu dân cư và xa lộ Vành Đai; phía Tây Nam giáp một phần dân cư và kho vật tư thiết bị phụ tùng.

Tính chất: Khu Chế xuất chế biến cho xuất khẩu với loại hình công nghiệp nhẹ cơ khí, điện, điện tử, vật liệu xây dựng,....

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Giữ nguyên quy mô thực tế 62ha.

4.1.3. Khu Chế xuất Linh Trung II, Thủ Đức: 62ha

Vị trí: Phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Phía Đông Bắc giáp khu dân cư tỉnh

lộ 43 và tỉnh Bình Dương; phía Đông Nam giáp đường đất hiện hữu; phía Tây Bắc giáp đường đất hiện hữu; phía Tây Nam giáp đường đất hiện hữu.

Tính chất: Khu Chế xuất chế biến cho xuất khẩu với loại hình công nghiệp nhẹ cơ khí, điện, điện tử, vật liệu xây dựng,...

Dự kiến quy hoạch: Giữ nguyên quy mô 62ha.

4.1.4. Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân:

Vị trí: Phường Tân Tạo và Tân Kiên, quận Bình Tân. Phía Bắc giáp khu ở phục vụ Khu Công nghiệp Tân Tạo (đường nối Khu Công nghiệp); phía Đông giáp xa lộ Vành Đai; phía Tây giáp Hương lộ 4; phía Nam giáp khu dân cư (có tuyến đường Tân Kiên - Bình Lợi đi qua).

Tính chất: Công nghiệp nhẹ, thông thường không gây ô nhiễm hoặc ô nhiễm mức độ thấp như cơ khí, điện, điện tử, may mặc, dệt, nhuộm, da, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm, hóa mỹ phẩm, dụng cụ y tế, chế biến gỗ, giấy nhựa cao su thủy tinh, công nghiệp vật liệu xây dựng.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô: 460,00ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg xuống 381ha (thực tế theo Quyết định số 592/1997/QĐ-BXD ngày 24 tháng 9 năm 1997 và 03/QĐ-BXD là 430,57ha, trừ 49,7ha đề nghị chuyển mục đích sử dụng thành khu tái định cư và hoán đổi đất).

4.1.5. Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc I, quận Bình Tân và huyện Bình Chánh:

Vị trí: Phường Bình Hưng Hòa - quận Bình Tân, Vĩnh Lộc A - huyện Bình Chánh. Phía Tây và Nam giáp khu dân cư kế cận phục vụ công nghiệp; phía Bắc giáp xã Bà Điểm huyện Hóc Môn; phía Đông giáp Quốc lộ 1 (xa lộ Vành Đai) và tuyến đường sắt dự kiến.

Tính chất: Khu Công nghiệp sạch, không ô nhiễm như cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc, dệt, giả da và chế biến lương thực, thực phẩm.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô 200,00ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg lên 259,00ha (thực tế đã thực hiện theo Quyết định số 437/BXD/KTQH ngày 24 tháng 9 năm 1997 là 207,00ha, giai đoạn mở rộng: 96,5ha, tuy nhiên, giai đoạn đầu phải giải quyết 3,8ha và giai đoạn mở rộng dự kiến thêm 43,2ha cho tái định cư. Do vậy đất công nghiệp thực tế của Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc cũ gồm cả hai giai đoạn còn khoảng 259ha).

4.1.6. Khu Công nghiệp Bình Chiểu, quận Thủ Đức:

Vị trí: Phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Phía Bắc giáp khu bãi tập của Quân

đoàn 4; phía Nam giáp khu nhà vườn (cách Quốc lộ 1 - xa lộ Vành Đai khoảng 1.200m); phía Đông giáp đường nội bộ Quân đoàn 4 (cách Ga Sóng Thần khoảng 1.000m); phía Tây giáp đường khu nhà vườn (cách Liên tỉnh lộ 43 khoảng 120m).

Tính chất: Là Khu Công nghiệp tập trung nhẹ, sạch, ít và không gây ô nhiễm như chế biến lương thực, thực phẩm bao bì, công nghiệp may mặc, công nghiệp cơ khí chế tạo, sửa chữa lắp ráp, công nghiệp điện, điện tử,...

Dự kiến quy hoạch: Giữ nguyên quy mô 27,34ha theo quy hoạch và thực tế thực hiện.

4.1.7. Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè:

Vị trí: Xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè. Phía Đông và Nam giáp sông Nhà Bè; phía Bắc giáp đường Vành đai ngoài dự kiến qua Cần Giờ; phía Tây giáp đường Nguyễn Văn Tạo.

Tính chất: Công nghiệp nặng, chất thải nhiều, có độc hại xử lý phức tạp, có nhu cầu sử dụng diện tích lớn, gắn liền với vận tải thủy (kho, cảng), đóng, sửa chữa phương tiện phục vụ ngành đường biển. Giai đoạn mở rộng: Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp hóa chất, cơ khí hàng hải và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Giữ nguyên quy mô 2.000ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg (trong đó giảm quy mô công nghiệp xuống 1.500ha, gắn với cụm cảng khoảng 500ha xây dựng mới theo quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu (nhóm cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm các cảng chuyên dụng: Cảng trạm nghiên Xi măng Hiệp Phước, Hạ Long, Chinfon, Thăng Long và Cotec, Cảng Nhà máy điện Hiệp Phước, Cảng xuất khẩu gạo và nông sản, Cảng Xí nghiệp Bột giặt Tico,... và các bến cảng tổng hợp Khu Công nghiệp Hiệp Phước - một phần phục vụ công tác di dời các cảng trên sông Sài Gòn)).

4.1.8. Khu Công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú và quận Bình Tân:

Vị trí: Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú và Phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Phía Bắc và Đông giáp kênh Tham Lương, phía Tây giáp kênh Tham Lương và một phần giáp Nhà máy Bột ngọt Tân Bình, Nhà máy Dệt Thành Công và Nhà máy Dầu Tân Bình.

Tính chất: Công nghiệp không gây ô nhiễm như: Cơ khí, lắp ráp điện tử, may

mặc, dệt, giả da, nhựa, cao su, đồ mộc gia dụng, dược phẩm và chế biến lương thực, thực phẩm.

Dự kiến quy hoạch: Điều chỉnh từ quy mô 223,76ha (Giai đoạn I: 155ha; Giai đoạn II: 68,76ha) xuống quy mô khoảng 134,0ha (Giai đoạn I theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 478/BXD/KTQH ngày 18 tháng 10 năm 1997 là 155ha nhưng thực tế chỉ thực hiện 110,0ha. Giai đoạn II: 24ha).

4.1.9. Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, quận 12:

Vị trí: Phường Hiệp Thành, quận 12. Phía Tây Bắc giáp đường Nguyễn Ảnh Thủ; phía Đông, phía Nam và phía Bắc giáp đường đất khu dân cư thuộc ấp 4, phường Hiệp Thành.

Tính chất: Công nghiệp không gây ô nhiễm như cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc, dệt da, dược mỹ phẩm, hàng tiêu dùng, sành sứ thủy tinh, nhựa, cao su, nhôm, gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, thiết bị trang trí nội thất, chế biến lương thực, thực phẩm.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô 215,0ha xuống quy mô 28 ha (đã thực hiện hoàn chỉnh).

4.1.10. Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh:

Vị trí: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh. Phía Nam giáp đất nông nghiệp; phía Bắc giáp tuyến điện 500kV; phía Tây đường Vành đai 3 dự kiến; phía Đông giáp tuyến kênh C.

Tính chất: Công nghiệp nhẹ và các ngành công nghiệp có ô nhiễm không khí (khói bụi) và tiếng ồn nhưng không có gây ô nhiễm nguồn nước như cơ khí, cán kéo kim loại, nhựa, chất dẻo, lắp ráp điện tử, may mặc, dệt da, chế biến lương thực, thực phẩm. Khu Công nghiệp không bố trí các ngành hóa chất hóa dầu. Giai đoạn mở rộng và quy hoạch mới: Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, điện - điện tử và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô: 100,00ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg lên 800,00ha (Hiện hữu 100ha, mở rộng 400ha dự kiến phát triển phía Tây Nam Khu Công nghiệp hiện hữu và phát triển mới 300ha đất nông trường thuộc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn).

4.1.11. Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi:

Vị trí: xã Trung Lập Hạ, Tân An Hội và một phần thị trấn huyện lỵ Củ Chi, huyện Củ Chi. Phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu dọc Quốc lộ 22; phía Bắc giáp

kênh Đông; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu thuộc xã Trung Lập Hạ; phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu dọc theo Hương lộ 1.

Tính chất: Công nghiệp không gây ô nhiễm như cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc, dệt, da, dược mỹ phẩm, hàng tiêu dùng, sành sứ thủy tinh, nhựa, cao su, nhôm, gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, thiết bị trang trí nội thất, chế biến lương thực, thực phẩm. Giai đoạn mở rộng: Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp điện - điện tử và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô 345ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg lên quy mô 380ha (thực tế đã thực hiện giai đoạn I: 207ha - theo Quyết định số 479/BXD/KTQH ngày 18 tháng 10 năm 1997 là 220,64ha, dự kiến thực hiện giai đoạn II 173,24ha nữa, trong đó sẽ bố trí cho ngành điện tử khoảng 150ha).

4.1.12. Khu Công nghệ cao, quận 9:

Vị trí: Các phường Tân Phú, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Long Thạnh Mỹ, và Phước Long B - quận 9. Phía Nam giáp sông Trau Trầu và rạch Chiếc; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu đường Man Thiện và rạch Vàm Xuông; phía Tây Bắc giáp trục đường Hà Nội và phía Đông - Đông Bắc giáp trục đường Vành đai ngoài của thành phố (đoạn quy hoạch dự kiến).

Tính chất: Là Khu Công nghiệp kỹ thuật công nghệ cao, tạo lực lượng sản xuất mới có trình độ tiên tiến, tập hợp lực lượng trí thức khoa học - kỹ thuật trong và ngoài nước, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao công nghệ cho sản xuất ương tạo các doanh nghiệp công nghệ cao.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh từ quy mô 800ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg (thực tế 804ha theo Quyết định số 95/QĐ-TTg) lên quy mô 872,16ha. Theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, tổng diện tích toàn khu hiện tại là 913,16ha, nhưng diện tích ngoài sự quản lý của Khu Công nghệ cao là 41ha (Giai đoạn 1: 25,0ha, Giai đoạn 2: 16,0ha). Như vậy, quy mô đất thực tế Khu Công nghệ cao sau điều chỉnh là 872,16ha, trong đó Giai đoạn 1: 301,14ha, Giai đoạn 2: 571,02ha.

4.1.13. Khu Công nghiệp Cát Lái, quận 2:

Dự kiến điều chỉnh từ Khu Công nghiệp quy mô 852ha theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg thành khu đô thị cảng, trong đó quy mô Khu Công nghiệp còn khoảng 124,0ha, một phần chuyển thành cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận 2 (18,0ha), phần còn lại chuyển chức năng sang khu dân cư, cảng và dịch vụ cảng (710,0ha).

Bao gồm:

Khu Công nghiệp Cát Lái 2: diện tích tự nhiên 375ha

Vị trí: Phường Thạnh Mỹ Lợi, phía Tây giáp Liên tỉnh lộ 25, phía Nam giáp sông Đồng Nai, phía Đông Nam giáp trung tâm Ủy ban nhân dân quận 2.

Tính chất: Khu Công nghiệp thông thường, ô nhiễm không đáng kể như sản xuất cơ khí, điện - điện tử, sản xuất sản phẩm cấu kiện từ bê tông, đóng gói, sản xuất thiết bị vật tư xây dựng, may, gia công hàng xuất khẩu mỹ nghệ,... và gắn với chương trình di dời cảng, vận tải thủy.

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Khu Công nghiệp được điều chỉnh ở quy mô 124,00ha (Giai đoạn I: 42,58ha; Giai đoạn II: 69,07ha theo Quyết định số 448/QĐ-BXD. Dự kiến Giai đoạn III: 12,3ha, đã đền bù xong). 128ha là khu cảng và dịch vụ cảng (bao gồm: Cảng Khu Công nghiệp Cát Lái - SEPZONE: 54ha, Cảng Xi măng Sao Mai: 38ha, Cảng Sài Gòn Petro: 30ha, Xí nghiệp đóng sửa chữa tàu Shipyard: 5ha). 18ha chuyển thành cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quận 2. 105ha còn lại chuyển sang khu dân cư đô thị và công trình đầu môi (nhà máy xử lý nước thải dự kiến).

Khu Công nghiệp Cát Lái 3: Diện tích tự nhiên 277,0ha

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh toàn bộ quy mô 280ha theo Quyết định số 4534/UB-KT sang khu dân cư (đô thị dịch vụ cảng).

Khu Công nghiệp Cát Lái 4: diện tích tự nhiên 200ha

Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Được điều chỉnh toàn bộ 134ha (Quyết định số 595/1997/QĐ-BXD) thành khu cảng và dịch vụ cảng 110ha (bao gồm Tân cảng Cát Lái dự kiến 44ha, Tân cảng Sài Gòn di dời ra 54ha và Cảng xăng dầu Petechim 12ha, dịch vụ cảng 24ha), 66ha còn lại chuyển thành Khu Đô thị cảng gắn với cụm 3 đã chuyển toàn bộ thành dân cư.

4.1.14. Khu Công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh:

Vị trí: Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh. Phía Nam giáp ruộng lúa và các rạch nhỏ của xã Phong Phú; phía Bắc giáp đường Nguyễn Văn Linh (Bình Thuận); phía Tây giáp sông Cần Giuộc; phía Đông giáp Tỉnh lộ 7.

Tính chất: Khu Công nghiệp sạch không gây ô nhiễm hoặc ô nhiễm mức độ thấp (cấp độ IV, V) như công nghiệp điện tử (công nghệ phần mềm, sản xuất phần cứng); công nghiệp may mặc, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng mới... Khu Công nghiệp được quy hoạch làm nền tảng cho ngành công nghiệp thành phố từng bước hình thành các nhà máy công nghệ kỹ thuật cao.

Dự kiến quy hoạch: Điều chỉnh từ quy mô 163,3ha theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 06/QĐ-BQLKN ngày 05 tháng 02 năm 2001 xuống quy mô thực tế 148,0ha. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp điện - điện tử và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

4.1.15. Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi:

Vị trí: Xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi. Phía Nam giáp kênh Thầy Cai, phía Đông Bắc giáp Quốc lộ 22; phía Bắc giáp kênh Đông và phía Tây giáp kênh Thủy lợi và đất nông nghiệp hiện hữu.

Tính chất: Các ngành công nghiệp nhẹ. Ưu tiên phục vụ di dời (khoảng 100ha), công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Điều chỉnh quy mô 500ha theo quy hoạch chung huyện Củ Chi lên quy mô 542,64ha theo quyết định mới nhất thành lập Khu Công nghiệp này của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Các Khu Công nghiệp dự kiến thành lập mới (07 khu): Được quy hoạch với quy mô 1.422,0 ha, cụ thể như sau:

4.2.1. Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc III, huyện Bình Chánh:

Vị trí: Xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (cách Khu Công nghiệp hiện hữu khoảng 2km về phía Bắc). Phía Tây giáp đường Trần Hải Phụng, phía Nam giáp đường hiện hữu; phía Bắc giáp xã ranh huyện Hóc Môn; phía Đông giáp đường hiện hữu.

Tính chất: Khu Công nghiệp sạch, không ô nhiễm. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp hóa chất (nhựa - vật liệu mới) và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch với quy mô 200,0ha.

4.2.2. Khu Công nghiệp Đông - Nam Củ Chi:

Vị trí: Xã Hòa Phú và Bình Mỹ, huyện Củ Chi (trên đường Tỉnh lộ 8 từ Đức Hòa - Long An đi Thủ Dầu Một - Bình Dương). Phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu đường Bến Than; phía Đông giáp Tỉnh lộ 9 và khu dân cư hiện hữu đường Võ Văn Bích, phía Bắc giáp Tỉnh lộ 8, phía Nam giáp khu đất ruộng hoa màu, vườn cây và đường đất hiện hữu.

Tính chất: Khu Công nghiệp nhẹ, không ô nhiễm. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp cơ khí và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô: 338ha, trong đó có 55ha đất tái định cư, nhà ở chuyên gia và công nhân. Diện tích đất công nghiệp là 283ha.

4.2.3. Khu Công nghiệp Phú Hữu, quận 9:

Vị trí: Phường Phú Hữu, quận 9. Phía Bắc giáp khu dân cư Nam Hương lộ 33; Phía Nam giáp sông Đồng Nai; Phía Đông giáp rạch Ông Nhiêu; Phía Tây giáp rạch Bà Cua và đường Gò Cát.

Tính chất: Là khu kho tàng bên bãi và các cơ sở sản xuất liên quan đến vận chuyển đường thủy (cơ khí vận tải thủy). Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp cơ khí hàng hải và dịch vụ vận tải hàng hóa và chỉ bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Điều chỉnh từ quy mô 183ha xuống quy mô 162ha, trong đó có 36,02ha cảng và 11,84 ha đất dân cư. Như vậy, đất công nghiệp Khu Công nghiệp Phú Hữu là 114,00ha (Khu Công nghiệp này đã có quy hoạch chi tiết được duyệt với quy mô 183,00ha được dự kiến phục vụ chương trình di dời công nghiệp nội thành và di dời các cảng biển trên sông Sài Gòn. Hiện quy hoạch chi tiết đang được điều chỉnh để phê duyệt với quy mô 162ha).

4.2.4. Khu Công nghiệp Phước Hiệp, huyện Củ Chi:

Vị trí: Xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi. Phía Bắc giáp Hương lộ 2; Phía Nam giáp khu viện, trường; Phía Đông giáp đường Vành đai 4; Phía Tây giáp khu dân cư xây dựng mới.

Tính chất: Công nghiệp hóa dược.

Dự kiến quy hoạch: Dự kiến quy hoạch với quy mô 200ha.

4.2.5. Khu Công nghiệp Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn:

Vị trí: Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Tính chất: Công nghiệp nhẹ sạch. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Dự kiến quy hoạch với quy mô 300ha.

4.2.6 Khu Công nghiệp Bà Trưng, huyện Củ Chi:

Vị trí: Xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi. Phía Bắc giáp đường An Nhơn Tây; Phía Tây giáp đường Nguyễn Thị Rành; Phía Đông Nam giáp đường dự kiến và khu dân cư; phía Đông Bắc giáp đường dự kiến và đất nông nghiệp.

Tính chất: Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp cơ khí nông nghiệp và bố trí các ngành công nghiệp trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg.

Dự kiến quy hoạch: Dự kiến quy hoạch với quy mô 175ha.

4.2.7. Nhà máy đóng tàu thủy Bình Khánh, huyện Cần Giờ:

Vị trí: Xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

Tính chất: Cơ khí hàng hải (Đóng tàu).

Dự kiến quy hoạch: Dự kiến quy hoạch với quy mô 150ha.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 được duyệt.

Giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các quận (huyện) xác định các chủ đầu tư đủ năng lực để thực hiện đầu tư xây dựng các Khu Công nghiệp mới, đồng thời phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập, thẩm định và trình duyệt quy hoạch xây dựng các Khu Công nghiệp theo quy định.

Giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp phối hợp với các Công ty Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận (huyện) rà soát nhu cầu đất xây dựng nhà ở công nhân đối với các Khu Công nghiệp hiện hữu để tiếp tục xây dựng bổ sung đủ nhu cầu; xác định quy mô, tính chất và tổ chức lập quy hoạch chi tiết cho các khu dân cư và dịch vụ phục vụ Khu Công nghiệp đối với các Khu Công nghiệp mới hình thành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông - Công chính, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC

**Bảng tổng hợp dự kiến điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp - chế xuất
thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số TT	TÊN KHU CN	ĐỊA ĐIỂM	TÍNH CHẤT	Theo QH và các dự án được duyệt (ha)	Đất ngoài chức năng CN: nhà lưu trú, tái định cư, cảng (ha)	Dự kiến điều chỉnh (Đất CN và dịch vụ CN) (ha)	GHI CHÚ
I. CÁC KHU CN-CX ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP:				6.336,1		5.620,0	
01	KCX Tân Thuận	Quận 7	Nhẹ cho XK	300,0	-	300,0	- Đã hoàn tất toàn bộ KCX (300ha)
02	KCX Linh Trung I	Q. Thủ Đức	Nhẹ cho XK	62,0	-	62,0	- Đã hoàn tất toàn bộ KCX (62ha)
03	KCX Linh Trung II	Q. Thủ Đức	Nhẹ cho XK	61,8	-	62,0	- Đã hoàn tất toàn bộ KCX (62ha)
04	KCN Tân Tạo	Q. Bình Tân	Nhẹ, tổng hợp	460,0	49,7	381,0	- Đã hoàn tất toàn bộ KCN (thực tế 381ha). Đã chuyển đổi 49,7ha.
05	KCN Vĩnh Lộc I	Q. Bình Tân và H. Bình Chánh	Nhẹ, tổng hợp	200,0	47,0	259,0	- Đã hoàn tất GĐ1 (203ha). Đang triển khai QHCT GĐ mở rộng (56ha). - Đã chuyển đổi 47,0ha.
06	KCN Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	Nhẹ, tổng hợp	27,3	-	27,0	- Đã hoàn tất toàn bộ KCN (27ha)

Số TT	TÊN KHU CN	ĐỊA ĐIỂM	TÍNH CHẤT	Theo QH và các dự án được duyệt (ha)	Đất ngoài chức năng CN: nhà lưu trú, tái định cư, cảng (ha)	Dự kiến điều chỉnh (Đất CN và dịch vụ CN) (ha)	GHI CHÚ
07	KCN Hiệp Phước	H. Nhà Bè	GĐ1: Nặng, ô nhiễm GĐ MR: hóa chất, cơ khí hàng hải và các ngành trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg	2.000,0	500,0	1.500,0	- 1.500ha công nghiệp, 500ha kho cảng - Đã hoàn tất GĐ1 (322ha) - Đã được thuận chủ trương đầu tư GĐ2: 630ha (QĐ: 1077/TTg) và di dời cảng nội thành ra (QĐ 791/TTg)
08	KCN Tân Bình	Q. Tân Phú và Q. Bình Tân	Nhẹ tổng hợp	250,0	45,0	134,0	- Đã hoàn tất GĐ1 (thực tế 110ha) - Đã được thuận chủ trương đầu tư GĐ2: 24ha và đang triển khai đầu tư
09	KCN Tân Thới Hiệp	Quận 12	Nhẹ, tổng hợp	215,0	-	28,0	- Đã hoàn tất 28ha, không có khả năng phát triển theo QH. Diện tích còn lại chuyển đổi thành dân cư và cụm CN.
10	KCN Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	GĐ1: Nhẹ, tổng hợp GĐ MR: ché biến lương thực - thực phẩm, điện - điện tử và các ngành trọng yếu theo Quyết định 188/2004/QĐ-TTg	100,0	-	800,0	- Đã hoàn tất GĐ1 (100ha) - Đang triển khai QHC toàn khu mở rộng (800ha) và QHCT các khu mở rộng.

Số TT	TÊN KHU CN	ĐỊA ĐIỂM	TÍNH CHẤT	Theo QH và các dự án được duyệt (ha)	Đất ngoài chức năng CN: nhà lưu trú, tái định cư, cảng (ha)	Dự kiến điều chỉnh (Đất CN và dịch vụ CN) (ha)	GHI CHÚ
11	KCN Tây Bắc Củ Chi	H. Củ Chi	GĐ1: Nhẹ, tổng hợp. GĐ MR: <i>điện - điện tử</i> và các ngành trọng yếu theo QĐ 188/2004/QĐ-TTg	345,0	-	380,0	- Đã hoàn tất GĐ1 (thực tế 207ha). - Đã được thuận chủ trương đầu tư GĐ2: 173,24ha (QĐ 1077/TTg)
12	Khu Công nghệ cao	Quận 9	Công nghệ cao	800,0	41,0	872,0	- Đang triển khai điều chỉnh QHC mở rộng toàn khu (từ 800ha lên 913ha) - Đã phê duyệt NVQHCT GĐ1 (300ha)
13	KCN Cát Lái	Quận 2	Nhẹ, tổng hợp	852,0	-	124,0	- Đã hoàn tất toàn bộ 02 giai đoạn (112ha), mở rộng thêm 12ha đã đền bù nằm giữa khu đất 02 giai đoạn.
14	KCN Phong Phú	H. Bình Chánh	<i>Điện - điện tử</i> và các ngành trọng yếu theo QĐ 188/2004/QĐ-TTg	163,0	-	148,0	- Đang triển khai đền bù và đầu tư hạ tầng.
15	KCN Tân Phú Trung	H. Củ Chi	<i>Phục vụ di dời, chế biến lương thực thực phẩm</i> các ngành trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg	500,0	50,0	543,0	- QHCT 590ha (Tái định cư 50ha) - Đang triển khai đền bù và đầu tư hạ tầng.

Số TT	TÊN KHU CN	ĐỊA ĐIỂM	TÍNH CHẤT	Theo QH và các dự án được duyệt (ha)	Đất ngoài chức năng CN: nhà lưu trú, tái định cư, cảng (ha)	Dự kiến điều chỉnh (Đất CN và dịch vụ CN) (ha)	GHI CHÚ
II. CÁC KCN DỰ KIẾN THÀNH LẬP MỚI				800,0		1.422,0	
16	KCN Vĩnh Lộc III	H. Bình Chánh	<i>Hóa chất</i> và các các ngành trọng yếu theo Quyết định 188/2004/QĐ-TTg	-	-	200,0	- Đang triển khai lập QH.
17	KCN Đông - Nam Củ Chi	H. Củ Chi	<i>Cơ khí</i> và các ngành trọng yếu theo Quyết định 188/2004/QĐ-TTg	338,0	55,0	283,0	- Đang triển khai lập QHCT trên quy mô 338ha (trong đó có 10ha tái định cư và 45ha nhà ở chuyên gia, CN)
18	KCN Phú Hữu	Quận 9	<i>Cơ khí hàng hải, dịch vụ vận tải hàng hóa</i> và các ngành trọng yếu theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg	162,0	48,0	114,0	- Đã được thuận chủ trương thành lập mới 162ha (QĐ:1077/TTg). Trong đó 36ha cảng và 12ha tái định cư.
19	KCN Phước Hiệp	H. Củ Chi	<i>Hóa dược</i>	200,0	-	200,0	- Dự kiến mới, đang triển khai sơ bộ
20	KCN Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	<i>Chế biến lương thực thực phẩm</i> và các ngành trọng yếu theo Quyết định 188/2004/QĐ- TTg	-	-	300,0	- Dự kiến mới, đang triển khai sơ bộ

Số TT	TÊN KHU CN	ĐỊA ĐIỂM	TÍNH CHẤT	Theo QH và các dự án được duyệt (ha)	Đất ngoài chức năng CN: nhà lưu trú, tái định cư, cảng (ha)	Dự kiến điều chỉnh (Đất CN và dịch vụ CN) (ha)	GHI CHÚ
21	KCN Bàu Đưng	H. Củ Chi	<i>Cơ khí nông nghiệp</i> và các ngành trọng yếu theo Quyết định 188/2004/QĐ-TTg	150,0	-	175,0	- Dự kiến mới, đang triển khai sơ bộ
22	NM đóng tàu thủy Bình Khánh	H.Cần Giờ	Đóng tàu thủy	150,0	-	150,0	- Dự kiến mới, đang triển khai sơ bộ
TỔNG CỘNG:				7.136,1	835,7	7.042,0	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HUYỆN CẦN GIỜ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2007/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 26 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 12

Căn cứ Điều 48, Điều 50 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét nội dung báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo thẩm tra của 2 Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ngành, thông báo của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với Báo cáo 6 tháng đầu năm, Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2007 của Thường trực và hai Ban Hội đồng nhân dân huyện.

Thông qua Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và thống nhất với các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện.

Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện trong 6 tháng đầu năm 2007:

Trong 6 tháng đầu năm, mặc dù gặp nhiều khó khăn như ảnh hưởng dịch cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng ở gia súc, do tình hình dịch bệnh tôm nuôi lây lan

tại một số tỉnh, khu vực giáp ranh, nguồn tôm giống trôi nổi chưa được quản lý kiểm dịch chặt chẽ, diện tích nuôi nghêu giảm do triển khai dự án lấn biển Long Hòa và bão số 9 làm thiệt hại sản xuất và đời sống người dân; song với sự hỗ trợ của thành phố, sự chỉ đạo kịp thời của Ủy ban nhân dân huyện và sự nỗ lực của các ngành, các cấp đã góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đời sống của nhân dân. Các hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều kết quả tích cực, công tác cải cách hành chính được thường xuyên rà soát, bổ sung phù hợp với quy định chung đáp ứng sự hài lòng của khách hàng, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại được quan tâm, hạn chế đơn thư tồn đọng. Đặc biệt đã tổ chức tốt cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XII trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

1. Về kinh tế:

* Tổng giá trị sản xuất (GCD.94): 702,3 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ và đạt 29,5% kế hoạch, trong đó:

- Thủy sản: giảm 12,5%, đạt 25,4% kế hoạch;
- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: tăng 18,7%, đạt 89,6% kế hoạch;
- Nông - lâm nghiệp: giảm 53,7%, đạt 27,6% kế hoạch;
- Giao thông - bưu điện: tăng hơn 2 lần, đạt 51,6% kế hoạch;
- Đầu tư - xây dựng: tăng 11%, đạt 17,7% kế hoạch;
- Thương mại - dịch vụ: tăng 15,7%, đạt 45,6% kế hoạch.

* Tổng thu ngân sách Nhà nước: giảm 47,3%, đạt 33,7% kế hoạch.

2. Về xã hội:

- Có 98,63% học sinh hoàn tất chương trình bậc tiểu học (1.156 học sinh), giảm 0,9% so năm học trước.

- Có 962 học sinh lớp 9 được xét tuyển tốt nghiệp trung học cơ sở, tỷ lệ 99,79% giảm 0,09%.

- Có 533 học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn 6 triệu còn 22,37%, chuẩn 4 triệu còn 14,5%.

- Giải quyết việc làm cho 2.347 lao động, tăng 4% so cùng kỳ và đạt 58,67% kế hoạch.

- Tiêm chủng đủ 8 mũi cho trẻ em đạt 36,5% và tiêm ngừa bại liệt cho trẻ dưới 5 tuổi đạt 98,14%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại đó là chưa đánh giá, kiểm điểm tình hình thực hiện các chương trình trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội, công tác đầu tư thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng còn chậm, nhiều công trình thi công kéo dài, chậm được khắc phục; việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của các phòng, ban chức năng chưa kịp thời.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007:

Ngoài các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện, trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, an ninh, quốc phòng 6 tháng cuối năm 2007, Hội đồng nhân dân yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện lưu ý:

* Chỉ đạo giải quyết vốn cho sản xuất và đầu tư phát triển; chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình sản xuất và kinh doanh mới.

* Chỉ đạo tiếp tục giải quyết những tồn tại trong việc thi hành Luật Đất đai trên địa bàn huyện; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

* Chỉ đạo triển khai các nhóm giải pháp để thực hiện các mục tiêu về giải quyết việc làm, giảm hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010 và trước mắt là trong năm 2007 và 2008.

* Chỉ đạo thực hiện chương trình di dời và tái định cư nhân dân thuộc xã Thạnh An, chương trình phát triển nhà ở, công bố quy hoạch về nhà ở và bố trí dân cư;

* Chỉ đạo chương trình phổ cập giáo dục và khai giảng năm học mới (2007 - 2008).

* Đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện 7 chương trình kinh tế - xã hội và 10 nhóm công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010).

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc, kiến nghị chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các tổ chức thành viên, Đài Truyền thanh và Bản tin huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến và động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 12, phiên họp ngày 25 tháng 7 năm 2007 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2007/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 26 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về tổng quyết toán ngân sách năm 2006
và điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2007**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 12

Căn cứ khoản 3 Điều 19, Điều 48, Điều 50 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 49 và Điều 56 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét, thảo luận Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2007, Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng quyết toán ngân sách huyện năm 2006 tại Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện, gồm:

1.1. Tổng quyết toán thu ngân sách Nhà nước năm 2006 trên địa bàn huyện là 36.574 triệu đồng, tăng 48% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện (36.574/24.567), tăng 187% so với chỉ tiêu thành phố giao (36.574/12.730).

Tổng quyết toán thu ngân sách huyện là 185.843.009.282 đồng, tăng 35% so với dự toán.

1.2. Tổng quyết toán chi ngân sách huyện là 172.192.374.803 đồng, tăng 25% so với dự toán và bằng 88% so với năm 2005 (172.192/194.352).

1.3. Thống nhất chuyển 13.650.634.479 đồng kết dư ngân sách huyện năm 2006 vào thu ngân sách huyện năm 2007.

Điều 2. Thống nhất điều chỉnh ngân sách huyện năm 2007 tại Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện, gồm:

* **Dự toán thu ngân sách Nhà nước:** không thay đổi dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2007 theo Nghị quyết là: 29.510 triệu đồng.

* **Dự toán thu ngân sách huyện:** điều chỉnh 226.935 triệu đồng (tăng 94.187 triệu đồng so với dự toán được duyệt tháng 12 năm 2006), trong đó:

- Thu điều tiết: 5.230 triệu đồng, tăng 1.300 triệu đồng.
- Thu trợ cấp ngân sách thành phố: 202.764 triệu đồng, tăng 77.057 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm 2006: 13.650 triệu đồng, tăng 10.539 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn: 3.240 triệu đồng.
- Thu hồi kinh phí báo số 9 sử dụng không hết: 2.049 triệu đồng.

* **Dự toán chi ngân sách huyện:** điều chỉnh 219.791 triệu đồng (tăng 91.229 triệu đồng so với dự toán được duyệt tháng 12 năm 2006), trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 74.843 triệu đồng; trong đó chi chuyển nguồn là 3.152 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 130.739 triệu đồng.
- Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn: 12.505 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ lãi vay (Chương trình 105): 1.704 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 7.143 triệu đồng.

Điều 3. Một số biện pháp điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2007:

- Tiếp tục tăng cường công tác thu thuế trên địa bàn, thu đúng, thu đủ các nguồn thu theo quy định; tập trung đẩy mạnh phần thu ngoài quốc doanh, trong đó chú ý nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn;

- Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị sử dụng kinh phí, đảm bảo thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị, chi đúng chế độ, đúng dự toán, tăng cường chống tham nhũng, lãng phí, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm;

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra ở các xã, thị trấn và các đơn vị để tăng cường quản lý, điều hành ngân sách. Tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực đội ngũ kế toán nhất là ở các xã, thị trấn; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ, công khai tài chính theo quy định;

- Kiến nghị thành phố xem xét bổ sung các khoản chi phí ngoài dự toán giao đầu năm để ổn định ngân sách từ đây đến cuối năm.

- Hội đồng nhân dân huyện đề nghị các ngành, các cấp hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2007. Tăng cường vận động tuyên truyền các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân sản xuất - kinh doanh làm tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 12, phiên họp ngày 25 tháng 7 năm 2007 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2007/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 26 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
huyện Cần Giờ đến năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ **KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện về ý kiến thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020;

Căn cứ kết quả thảo luận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020. Do thời gian gần đây tại huyện đã hình thành một số chương trình, đề án và dự án mới phát triển kinh tế - xã hội nên trong quá trình nghiên cứu thiết kế quy hoạch Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ cần xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để đảm bảo theo đúng định hướng về cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2020.

Điều 2. Các nội dung đề nghị lưu ý và xem xét điều chỉnh, bổ sung vào nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020:

2.1. Xin ý kiến thành phố bổ sung nhiệm vụ điều chỉnh dân cư Thạnh An về đất liền. Thực hiện nguyên tắc đầu tư hạ tầng kinh tế kỹ thuật, xã hội trước khi di dời, bố trí dân cư, trong đó có việc duy trì các ngành nghề truyền thống, đặc biệt là đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trên sông, trên biển, song song với việc phát triển các ngành nghề mới để đảm bảo cuộc sống của bà con.

2.2. Bổ sung nhiệm vụ quy hoạch xã Tam Thôn Hiệp thành khu dịch vụ du lịch sinh thái sông Lòng Tàu; các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn thành khu dịch vụ du lịch sinh thái ven sông Soài Rạp.

2.3. Lưu ý việc quy hoạch phát triển các khu dân cư, khu du lịch sinh thái phải đảm bảo thực hiện đúng cam kết với UNESCO về bảo tồn và phát triển Khu dự trữ sinh quyển Thế giới tại Cần Giờ và Quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên Rừng ngập mặn Cần Giờ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2.4. Việc phát triển các khu dân cư đô thị cần lưu ý đến diện tích công viên cây xanh, các công trình công cộng và vấn đề môi trường nhằm mục tiêu phát triển dịch vụ du lịch, thu hút khách tham quan, nghỉ dưỡng vì đây là một trong những ngành kinh tế quan trọng của huyện trong những năm tới.

2.5. Xem xét bổ sung vào quy hoạch xây dựng hệ thống đường Vành đai kết nối 2 xã Lý Nhơn và Long Hòa, khu vực bãi rác và nghĩa trang diện tích 100ha tại xã Lý Nhơn.

2.6. Triển khai nhanh việc xây dựng tuyến ống cấp nước Cần Giờ. Định mức về tỷ lệ dân cư được cấp nước là 98% theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra.

Điều 3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên theo dõi chỉ đạo các phòng, ban chức năng phối hợp, hỗ trợ đơn vị tư vấn để đảm bảo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ hoàn thành và trình duyệt trong năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 12, phiên họp ngày 25 tháng 7 năm 2007 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2007/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 26 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Chuyên đề về công tác xây dựng cơ bản năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2007; Báo cáo số 61/BC-QLDA ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện về tiến độ triển khai các công trình trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các công trình thuộc nguồn vốn xã nghèo; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-KT-XH ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện;

Căn cứ nội dung thảo luận và ý kiến đề nghị của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

1. Về tình hình công tác xây dựng cơ bản:

Trong 6 tháng đầu năm 2007 tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản của huyện có tăng hơn 6 tháng đầu năm 2006 tuy nhiên tỷ lệ còn rất thấp (17,7% so với kế hoạch). Nhiều công trình thi công dở dang, kéo dài nhiều năm như: Các Trường Tiểu học Lý Nhơn, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp; đường Trần Quang Đạo (xã Bình Khánh), đường Lương Văn Nho (thị trấn Cần Thạnh), cầu Bà Tổng (xã An Thới Đông); các công trình Khu Di tích Giồng Cá Vồ, Nghĩa trang Liệt sỹ Rừng Sác, Quảng trường Rừng Sác, Nhà bia Liệt sỹ thị trấn Cần Thạnh v.v... gây bức xúc trong nhân dân.

Tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân và Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư - xây dựng đã nhiều lần đưa ra các cam kết, các giải pháp khắc phục những tồn tại trong đầu tư xây dựng cơ bản nhưng việc tổ chức thực hiện vẫn chưa đạt kết quả tốt, làm giảm lòng tin của đại biểu và cử tri.

2. Nguyên nhân tồn tại:

Hội đồng nhân dân huyện nhận thấy công tác quản lý đầu tư xây dựng chưa tính toán chặt chẽ các yếu tố có thể phát sinh trong quá trình triển khai dự án, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều yếu kém; việc lựa chọn tư vấn khảo sát, thiết kế, công tác tổ chức đấu thầu, chọn thầu chưa đạt hiệu quả cao; công tác quản lý trật tự đô thị chưa kiên quyết và kịp thời để phát sinh tình trạng tái lấn chiếm sau khi đã nhận bồi thường; việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp đất đai liên quan đến các dự án, khiếu nại về bồi thường giải phóng mặt bằng còn chậm. Các phòng, ban chuyên môn chưa đáp ứng năng lực thực hiện nhiệm vụ so với yêu cầu đề ra; sự phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi triển khai dự án chưa thật sự đồng bộ, thông suốt.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện:

- Tập trung chỉ đạo tăng cường các biện pháp giải quyết khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản đã kéo dài nhiều năm, đặc biệt là các công trình trường học phục vụ năm học 2007 - 2008 và các công trình trọng điểm.

- Tập trung chỉ đạo thi công hoàn thành nền hạ đường Rừng Sác, hoàn chỉnh các hồ sơ thiết kế, kế hoạch đấu thầu để triển khai thi công giai đoạn 2 công trình cải tạo nâng cấp mở rộng đường Rừng Sác vào quý IV năm 2007. Đẩy mạnh thi công các công trình xã nghèo, trụ sở Ủy ban nhân dân và các công trình thiết chế văn hóa ở các xã, thị trấn.

- Duy trì giao ban định kỳ công tác xây dựng cơ bản để kịp thời có chỉ đạo, tìm biện pháp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc. Kiên quyết xử lý đối với các nhà thầu vi phạm hợp đồng về thời gian thi công và chất lượng công trình.

- Có biện pháp tăng cường, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác giải phóng mặt bằng, quản lý trật tự đô thị; có biện pháp chỉ đạo chặt chẽ và xác định trách nhiệm cụ thể giữa các phòng ban chuyên môn và với các xã, thị trấn nơi có công trình.

- Báo cáo đánh giá kết quả khắc phục những khó khăn, yếu kém trong công tác xây dựng cơ bản tại kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện tháng 12 năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 12, phiên họp ngày 25 tháng 7 năm 2007 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2007/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 30 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định tạm thời quản lý và sử dụng vỉa hè
thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị định số 152/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đô thị huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng vỉa hè thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Phòng Tư pháp, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Về quản lý sử dụng vỉa hè thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vỉa hè là phần đường phố dành cho người đi bộ, là không gian được giới hạn bởi lề đường và các công trình xây dựng hợp pháp, phục vụ cho người đi bộ và bố trí một số công trình đô thị (hệ thống điện, cấp nước, thoát nước, điện thoại, biển hiệu giao thông, nhà chờ xe buýt, trụ cứu hỏa, thảm cỏ xanh phục vụ cộng đồng đô thị,...) bề rộng vỉa hè tính từ đường biên bó vỉa đến đường biên các công trình xây dựng hợp pháp (gọi tắt là lộ giới).

Điều 2. Vỉa hè do Nhà nước quản lý. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi gây hư hại. Mọi tổ chức, cá nhân trong trường hợp có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè đều phải xin phép cơ quan có thẩm quyền (quy định tại Điều 4) và phải nộp phí sử dụng theo quy định.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân sau khi hết thời hạn được phép sử dụng tạm thời vỉa hè phải tự tháo dỡ, sửa chữa, khôi phục ngay nguyên trạng phần hư hại (nếu có).

Điều 4. Phòng Quản lý Đô thị là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè để làm rào chắn, phá dỡ, xây dựng, sửa chữa công trình, đào vỉa hè để thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp - thoát nước, điện, điện thoại,...), cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè để tổ chức một số dịch vụ kinh doanh nhỏ (giữ xe, sửa xe 2 bánh,...) tại một số khu vực, tuyến đường được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Việc cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận, phải đảm bảo khoảng cách nhất định dành cho người đi bộ tối thiểu là 1,5 (Một mét năm) mét. Nghiêm cấm việc cấp phép sử dụng vỉa hè đối với lề đường có chiều rộng dưới 3 (Ba) mét.

Chương II

CHO PHÉP SỬ DỤNG MỘT PHẦN VỈA HÈ

Điều 5. Cho phép tổ chức, cá nhân được sử dụng một phần vỉa hè trước mặt tiền nhà để sinh hoạt, buôn bán kinh doanh, để xe hai bánh (có vạch sơn phân làn cho phép sử dụng). Cụ thể như sau:

+ Đối với vỉa hè có bề rộng nhỏ hơn ba mét không cho phép sử dụng lề đường mà để dành riêng cho người đi bộ.

+ Đối với vỉa hè có bề rộng từ ba đến dưới bốn mét cho phép sử dụng một phần vỉa hè, phần còn lại dành riêng cho người đi bộ tối thiểu là 1,5 (Một mét năm) mét.

+ Đối với vỉa hè có bề rộng từ bốn mét trở lên cho phép sử dụng một phần vỉa hè là 2 mét (tính từ mép trong của vỉa hè - phần giáp với mặt tiền nhà ra ngoài).

Việc sử dụng một phần vỉa hè phải đảm bảo:

- Thông thoáng cho người đi bộ;
- Để xe hai bánh, sinh hoạt, buôn bán kinh doanh không vi phạm ngoài vị trí cho phép;
- Không làm hư hỏng mặt vỉa hè;
- Đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan chung của đường phố;
- Không gây cản trở lưu thông, tầm nhìn.

Chương III

NGHIÊM CẤM VI PHẠM VỀ SỬ DỤNG VỈA HÈ

Điều 6. Nghiêm cấm đối với một trong các hành vi vi phạm giữ gìn vệ sinh vỉa hè và vi phạm giữ gìn trật tự, an toàn giao thông như sau:

- a) Không để dụng cụ đựng chất thải của súc vật, vật thải khác ra vỉa hè;
- b) Để nông, lâm, hải sản trên vỉa hè ngoài phạm vi cho phép;
- c) Đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên vỉa hè;
- d) Buộc súc vật vào hàng cây trên vỉa hè hoặc vào cọc tiêu, biển báo, rào chắn, các công trình phụ trợ khác.

Điều 7. Nghiêm cấm đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Để vật liệu phế thải, vật chướng ngại trên vỉa hè;

b) Để vật che khuất biển báo giao thông;

c) Xây, đặt bực bệ trái phép trên vỉa hè;

d) Chiếm dụng vỉa hè để đặt biển hiệu, bảng quảng cáo, làm mái che, các hoạt động dịch vụ khác gây cản trở giao thông, làm mất mỹ quan đường phố.

Điều 8. Nghiêm cấm đối với một trong các hành vi xâm phạm nếp sống văn minh và giữ gìn vệ sinh trật tự như sau:

a) Vứt rác, xác súc vật chết, đồ bẩn, các phế liệu, phóng uế, thả súc vật gây chướng ngại trên vỉa hè.

b) Đổ nước hoặc để nước chảy ra vỉa hè, đổ chất lỏng độc hại, nước thải chứa hóa chất, các chất không hòa tan, hôi thối, dầu mỡ ra hè phố; đun nấu, đốt rác trên vỉa hè.

c) Trộn vữa, ximăng, bê tông trực tiếp trên vỉa hè.

d) Phơi quần áo trên trụ điện, gốc cây.

e) Căng bạt, võng, dụng cụ để ăn, ngủ, đánh bài trên vỉa hè.

g) Để ứ đọng rác hữu cơ lâu ngày, bùn đất tràn ra vỉa hè.

h) Tự ý tháo gỡ những công trình công cộng trên vỉa hè.

i) Đổ rác vào hố ga, hệ thống thoát nước công cộng.

Điều 9. Nghiêm cấm các hành vi gây hư hại, làm thay đổi nguyên trạng vỉa hè dưới đây:

a) Tự ý tháo dỡ nắp cống trên vỉa hè; làm hư hỏng, mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường bộ; Tự ý tháo dỡ gạch vỉa hè làm hư hại vỉa hè.

b) Chiếm dụng vỉa hè: làm bãi đậu xe, trông giữ xe, rửa xe, sửa chữa xe; làm mặt bằng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa; đặt sạp hàng để kinh doanh; buôn bán vật liệu xây dựng, trưng bày bàn ghế ra lề đường ngoài phạm vi cho phép;

c) Lắp đặt, treo biển, băng rôn, panô, đèn quảng cáo trên gốc cây, tường rào, các công trình xây dựng căng ngang đường trái phép, làm che khuất không gian lòng, lề đường.

d) Tự ý làm rào chắn lấn lề đường vỉa hè.

e) Để tồn đọng đồ phế thải trên lề đường vỉa hè quá khối lượng và thời gian quy định của giấy phép.

g) Xây bậc tạo dốc từ lề đường xuống lòng đường.

Điều 10. Nghiêm cấm các hành vi khác, cụ thể:

a) Sử dụng giấy phép tạm thời sử dụng lòng lề đường vỉa hè quá hạn;

b) Sử dụng quá diện tích lề đường vỉa hè cho phép;

c) Vi phạm có tình tiết tăng nặng có thể bị thu hồi giấy phép sử dụng lề đường vỉa hè nếu vi phạm quy định tại khoản b Điều này.

Điều 11. Vi phạm các quy định trên đây, tùy theo hành vi và tính chất, người vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức sau:

a) Phạt tiền theo Nghị định số 152/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

b) Buộc tháo gỡ, hủy bỏ, giải tỏa những chướng ngại vật, công trình đã lấn chiếm, người vi phạm chịu mọi phí tổn thu hồi, giải tỏa;

c) Buộc phải sửa chữa, khôi phục lại nguyên trạng ban đầu;

d) Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm đã gây ra;

e) Phải khắc phục các hành vi vi phạm và thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trưởng Phòng Quản lý Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài nguyên - Môi trường, Phòng Kinh tế, Công an huyện, Đội Quản lý trật tự đô thị và Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh chọn thống nhất các tuyến đường tạm thời cho phép sử dụng vỉa hè, thời gian sử dụng vỉa hè, các tuyến đường không cho phép sử dụng vỉa hè và các tuyến đường cho sử dụng một phần vỉa hè. Đồng thời xây dựng kế hoạch kẻ vạch phân làn (phần cho phép sử dụng để xe hai bánh, sinh hoạt, buôn bán kinh doanh và phần dành riêng cho người đi bộ), đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Điều 13. Cơ quan tham mưu cấp giấy phép sử dụng vỉa hè, nếu cấp sai thẩm quyền hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, không thực hiện đúng chức trách thì tùy mức độ và tính chất vi phạm có thể bị thi hành kỷ luật theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức hoặc bị truy tố trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại vật chất đã gây ra.

Điều 14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Công an huyện, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị và Tổ Quản lý trật tự đô thị thị trấn Cần Thạnh chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc quản lý sử dụng vỉa hè trên địa bàn thị trấn Cần Thạnh, thực hiện các biện pháp chấn chỉnh, sắp xếp cho người buôn bán nhỏ theo quy định.

Điều 15. Giao Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định tạm thời này và có báo cáo tháng, quý cho Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Quy định tạm thời này, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh thông qua Tổ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, phối hợp Phòng Quản lý Đô thị, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thống nhất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng